

PHỤ LỤC II

(Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ)

Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP
THOÁT NƯỚC KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

MSDN: 1700105659

Số: 335/BC-CTN

Kiên Giang, ngày 28 tháng 6 năm 2024.

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1;

Năm 2023 Ban Điều hành công ty đã tập trung chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, thích ứng với từng thời điểm cụ thể tại đơn vị có hiệu quả. Đồng thời, thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến của thời tiết, tình trạng xâm nhập mặn, kịp thời báo cáo chủ sở hữu để có biện pháp ứng phó, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty luôn được duy trì an toàn và ổn định về sản lượng, chất lượng nước sạch và nguồn nước cung cấp trên địa bàn tỉnh, không để tình trạng thiếu hụt nguồn nước trong sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

Nhờ đó, công ty đã hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch SXKD được giao, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp được bảo toàn và phát triển tốt.

Kết quả thực hiện qua một số chỉ tiêu SXKD quan trọng như sau:

- Sản lượng tiêu thụ: 37.676.746 m³, đạt 100% so với kế hoạch năm 2023 và tăng 3% so với năm 2022.
- Tổng doanh thu: 301,343 tỷ đồng, đạt 99,45% so với kế hoạch năm 2023 và tăng 3% so với năm 2022.
- Lợi nhuận sau thuế: 28,163 tỷ đồng, đạt 131% so với kế hoạch năm 2023 và tăng 37% so với năm 2022.

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1. Thuận lợi

– Tăng trưởng kinh tế của tỉnh Kiên Giang trong những tháng đầu năm 2023 đạt mức khá so với cùng kỳ, các ngành, lĩnh vực và hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục trên đà phục hồi. Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại đều tăng khá; lĩnh vực du lịch có chuyển biến tích cực, ... Các chính sách, chương trình hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội từng bước đi vào cuộc sống.

– Công ty luôn được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh, Đảng ủy Khối các Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh, cùng với sự giúp đỡ có hiệu quả của các cơ quan ban ngành.

– Các văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật được sửa đổi, bổ sung tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các Công ty cấp thoát nước hoạt động.

– Nhịp độ phát triển kinh tế xã hội tăng cao, đời sống nhân dân và trình độ dân trí ngày càng cao, các cơ sở sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển và mở rộng, từ đó nhu cầu sử dụng nước sạch có xu hướng tăng.

– Ban Giám đốc Công ty cùng với Đảng ủy, Đảng bộ, BCH Công đoàn cơ sở đã từng bước củng cố và tổ chức bộ máy hoạt động SXKD cho phù hợp, ổn định, phát huy tốt khả năng, tinh thần trách nhiệm của từng đơn vị và mỗi vị trí cán bộ được phân công. Công ty đã kịp thời ban hành bổ sung một số Quy định, Quy chế cho phù hợp với thời điểm (tính đến ngày 31/12/2023, Công ty đã ban hành 34 quy chế nội bộ, thực hiện dự thảo 04 quy chế và 21 quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, đơn vị trực thuộc).

– Công ty chủ động trong việc phát triển khách hàng nhằm đảm bảo tăng trưởng hoạt động SXKD. Năm 2023 phát triển thêm được 4.641 hộ, hoàn thành 100% chỉ tiêu SXKD năm 2023, các khu vực phát triển khách hàng nhanh tập trung ở Chi nhánh 1: 1.319 hộ (đạt 188%), Tân Hiệp 340 hộ (đạt 136%), Hà Tiên 323 hộ (đạt 108%).

– Công tác thu hồi nợ tiền nước cũng được quan tâm và chỉ đạo thường xuyên nên tỷ lệ tồn thu năm 2023 chỉ còn 0,41% giảm 0,23 % so với cùng kỳ 2022. Cùng với quyết tâm hạ tỷ lệ thất thoát trong toàn Công ty sau nhiều năm liên tục gia tăng đã được kết quả đáng khích lệ. Năm 2023 tỷ lệ thất thoát nước là 27,62%, giảm so với năm 2022 là 0,76%. Trong đó, các khu vực làm tốt công tác chống thất thoát là Hà Tiên giảm 3,31%, Rạch Giá giảm 3,18%, Giồng Riềng giảm 2,69%, Tắc Cậu giảm 1,91%, Tân Hiệp giảm 1,52% và An Minh giảm 1,34%.

– Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động SXKD. Triển khai phần mềm ghi, thu tiền nước bằng điện thoại thông minh. Thành lập Tổ chăm sóc khách hàng hoạt động 24/24 (hotline: 1800 55 88 04, 02973 685 777), tiếp nhận thông tin của khách hàng, giải đáp thắc mắc hoặc phối hợp với các đơn vị giải quyết các yêu cầu về dịch vụ cấp nước của khách hàng. Trực tiếp hướng dẫn khách hàng sử dụng các tiện ích để nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước như tra cứu thông tin trên website của công ty, theo dõi tình hình tiêu thụ, tiền nước chi trả hàng tháng, tình hình công nợ, in hóa đơn điện tử và thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt thông qua các kênh điện tử, ...

2.2. Khó khăn

– Trong năm 2023, mặc dù Ban Điều hành Công ty đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện chống thất thu, thất thoát nước sạch toàn Công ty nhưng do tốc độ đô thị hóa ngày càng cao nên việc phát triển cơ sở hạ tầng như: mở rộng nâng cấp đường cải tạo và xây dựng mới hệ thống thoát nước lắp đặt các tuyến cáp bu rơ điện, điện... cũng tăng nhanh nhưng chưa đồng bộ đã làm hệ thống cấp nước hư hỏng, xì bể nhiều, gây thất thoát nước lớn, nhất là khu vực thành phố Rạch Giá nên kết quả cũng chưa đạt được như kỳ vọng.

– Các ngành, lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là du lịch và chế biến xi măng, thủy hải sản sụt giảm. Các địa bàn có sản lượng tiêu thụ nước cao như: Phú Quốc, Rạch Giá, Kiên Lương, Hà Tiên... đều không đạt được tốc độ tăng trưởng như kỳ vọng, tỉ trọng nước tiêu thụ cho mục đích sản xuất vật chất và kinh doanh dịch vụ giảm sâu đã ảnh hưởng lớn Doanh thu tiền nước và lợi nhuận của Công ty.

– Biến đổi khí hậu, thời tiết thất thường đã ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng nguồn nước (Một số đơn vị có nguồn nước ngầm bị sa sút chất lượng như An Minh, An Biên, ...). Các đơn vị trực thuộc Công ty phải rất linh động, chủ động điều tiết công suất đảm bảo cấp nước an toàn, hiệu quả và duy trì tốt chất lượng nước.

– Một số địa bàn nhịp độ phát triển kinh tế xã hội chưa cao, trình độ dân trí tập quán sử dụng nước sạch trong sinh hoạt và vệ sinh môi trường còn hạn chế chưa cải thiện đáng kể. Do đó, việc phát triển hệ thống cấp nước và khách hàng trên các khu vực này còn rất chậm, sản lượng tiêu thụ còn thấp dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các Đơn vị này kém hiệu quả.

– Hệ thống cấp nước ở một số đơn vị xuống cấp, lạc hậu, ... không đáp ứng nhu cầu sử dụng nước, phục vụ phát triển của Địa phương cần phải được đầu tư cải tạo, mở rộng nhưng chưa được thực hiện kịp thời hoặc chậm trễ;

– Tuy có đầu tư trong công tác đào tạo, nhưng số cán bộ chuyên môn, chuyên ngành có trình độ cao còn hạn chế, số công nhân kỹ thuật đào tạo căn bản còn ít nên phần nào đó ảnh hưởng đến quá trình phát triển đi lên của đơn vị.

– Giá điện năng, nguyên vật liệu, vật tư chuyên ngành, ... đều tăng làm tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của đơn vị.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất	M3			
a)	Nước sạch sinh hoạt	M3	37.606.540	37.676.746	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	303,140	301,343	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	26,833	35,182	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21,687	28,163	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng		17,286	
6	Tổng số lao động	Người	574	555	
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	61,922	62,583	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	2,757	3,309	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	59,165	59,274	

Lưu ý:

(*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt. **(Bảng số 2, Công ty không có thực hiện)**

2. Các khoản đầu tư tài chính.

STT	TÊN CÔNG TY	Cổ phần nắm giữ	Vốn góp (Triệu VNĐ)	Cổ tức chia (Triệu đồng)
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang (CIC Group)	545.735 (đến 31/12/2023)	4.065	ĐHCD ngày 01/6/2024 biểu quyết thống nhất chia 20% cổ tức cho 02 năm 2022, 2023
2	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kiên Giang	556.565 (đến 31/12/2023)	4.728,31	445,252
3	Công ty Cổ phần Tư vấn và Cấp nước Đông Nam Á- Mê Kông Rạch Giá Do dự án mới đầu tư nên chưa có lợi nhuận phân phối	725.000 (đến 31/12/2023)	7.250	Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 còn lỗ. Dự kiến 2024 sẽ đạt điểm hòa vốn và có lãi

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3 (Công ty không có thực thực hiện)

Nơi nhận:

- Chủ tịch Công ty, BKS, BGD, KTT
- Đăng tải Trang Web Cty, Lưu VP

GIÁM ĐỐC



Lâm Minh Vương

